

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HSST
Ngày 13 tháng 01 năm 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ - TỈNH PHÚ THỌ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Huyền.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa và ông Nguyễn Việt Tú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Phương Chinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2024/TLST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: **Nguyễn Hữu Q;** Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 22 tháng 09 năm 1994 tại C, Phú Thọ.

Nơi cư trú: Khu T, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12.

Bố đẻ: Nguyễn Hữu C, sinh năm: 1962, Mẹ đẻ: Phan Thị N, sinh năm: 1965. Cùng trú tại Khu T, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Vợ: Đỗ Thu C1, sinh năm 2001, trú tại Khu T, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Bị cáo có 01 người con, sinh năm 2019. Vợ, con bị cáo hiện trú tại trú tại Khu T, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ..

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 30/8/2024 đến ngày 06/9/2024. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” tại xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

2. Họ tên: Nguyễn Trung Đ; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 19 tháng 08 năm 1991 tại huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nơi thường trú: Thôn V, xã Y, TP ., Ninh Bình.

Nơi tạm trú: Thôn A, xã A, huyện H, TP ..

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12

Bố đẻ: Nguyễn Văn H2, sinh năm: 1963, trú tại Thôn V, xã Y, TP ., Ninh Bình.

Mẹ đẻ: Phạm Thị M, sinh năm: 1968. Cùng trú tại Thôn Đ, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Vợ: Lê Thị H3, sinh năm: 1993.

Bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2019.

Vợ, con bị cáo hiện trú tại Thôn V, xã Y, TP ., Ninh Bình.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị bắt, tạm giữ và tạm giam từ ngày 30/8/2024 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Phú Thọ.

3. Họ tên: Nguyễn Công V; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 29 tháng 11 năm 1996 tại huyện N, tỉnh Nam Định.

Nơi cư trú: Xóm G, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12

Bố đẻ: Nguyễn Duy C2, sinh năm: 1974, Mẹ đẻ: Vũ Thị M1, sinh năm: 1978. Cùng trú tại: Xóm G, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Vợ, con: không.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị bắt, tạm giữ và tạm giam từ ngày 30/8/2024 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Phú Thọ.

4. Họ tên: Phạm Ngọc T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 11 tháng 08 năm 1991 tại huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện V, Yên Bái.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12

Bố đẻ: Phạm Ngọc H4, đã chết, Mẹ đẻ: Hà Thị H5, sinh năm: 1962, trú tại Thôn N, xã N, huyện V, Yên Bái.

Vợ: Trương Thị Thu H6, sinh năm 1993, trú tại Thôn N, xã N, huyện V, Yên Bái.

Bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2019.

Vợ, các con bị cáo cùng trú tại Thôn N, xã N, huyện V, Yên Bái.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị bắt, tạm giữ và tạm giam từ ngày 30/8/2024 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Phú Thọ.

5. Họ tên: **Đặng Thị T1**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ.

Sinh ngày 13 tháng 01 năm 1988 tại huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Nơi cư trú: Khu A, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12

Bố đẻ: Đặng Văn T2, sinh năm: 1969, Mẹ đẻ: Nguyễn Thị T3, sinh năm: 1967. Cùng trú tại Khu A, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Chồng: Nguyễn Như Ý, đã chết.

Bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2018. Cùng trú tại Khu A, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 30/8/2024 đến ngày 06/9/2024. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” tại xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

6. Họ tên: **Trần Xuân D**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 21 tháng 07 năm 1989 tại huyện Ý, tỉnh Nam Định.

Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện Ý, tỉnh Nam Định.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12

Bố đẻ: Trần Xuân C3, Đã chết, Mẹ đẻ: Lưu Thị C4, sinh năm: 1956, trú tại Thôn L, xã T, huyện Ý, tỉnh Nam Định.

Vợ: Đỗ Thị H7, sinh năm: 1989, trú tại Thôn L, xã T, huyện Ý, tỉnh Nam Định.

Con: có 02 người con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2019.

Vợ, các con bị cáo cùng trú tại Thôn L, xã T, huyện Ý, tỉnh Nam Định.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị bắt, tạm giữ và tạm giam từ ngày 30/8/2024 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Phú Thọ.

7. Họ tên: **Đặng Thị L**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ.

Sinh ngày 13 tháng 04 năm 1989; tại huyện P, tỉnh Quảng Nam.

Nơi cư trú: Khu T, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12

Bố đẻ: Đặng Đầu, đã chết. Mẹ đẻ: Nguyễn Thị T4, sinh năm: 1945, trú tại xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

Chồng: Đỗ Văn H8, sinh năm: 1986, trú tại Khu T, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011. Cùng trú tại Khu T, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 30/8/2024 đến ngày 06/9/2024. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” tại xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

(Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 23 giờ 15 phút ngày 30/8/2024, tại phòng ngủ nhà **Đặng Thị L**, sinh năm 1989, trú tại khu T, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ, Công an huyện C phối hợp với Công an xã Y, huyện C bắt quả tang **Nguyễn Công V**, sinh năm 1996, trú tại xóm G, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; **Nguyễn Hữu Q**, sinh năm 1994, trú tại khu T, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ; **Nguyễn Trung Đ**, sinh năm 1991, trú tại thôn A, xã A, huyện H, TP. ; **Phạm Ngọc T**, sinh năm 1991, trú tại thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái; **Đặng Thị T1**, sinh năm 1988, trú tại khu A, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ; **Trần Xuân D**, sinh năm 1989, trú tại thôn L, xã T, huyện Ý, tỉnh Nam Định đang có hành vi đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền. Vật chứng thu giữ trên giường, nơi các đối tượng đánh bạc gồm có: số tiền 15.800.000 đồng (Mười lăm triệu tám trăm nghìn đồng), 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân bài hình tròn được cắt từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long, 01 mảnh vỏ bao thuốc lá Thăng Long, 01 kéo bằng kim loại, 01 chiếc mảnh cọ kích thước 1,6m x 2m. Ngoài ra còn thu giữ:

- Thu giữ của Đặng Thị T1 01 ví giả da màu nâu bên trong có 3.000.000 đồng do T1 lấy ra và tự giao nộp;

- Thu giữ của Nguyễn Công V 01 ví giả da màu đen bên trong có 2.000.000 đồng

do V lấy ra và tự giao nộp.

Quá trình điều tra đã xác định được như sau:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 30/8/2024, Nguyễn Hữu Q, Nguyễn Trung Đ, Nguyễn Công V, Phạm Ngọc T, Đặng Thị T1, Trần Xuân D và Trần Văn T5, sinh năm 1987 ở thôn L, xã T, huyện Ý, tỉnh Nam Định; Hoàng Thị Lệ Q1, sinh năm 1987 ở khu B, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Nguyễn Thị T6, sinh năm 1992 ở khu T, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ đến nhà Đặng Thị L tại khu T, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ để ngồi chơi, uống nước. Q, Đ, V, Phạm Ngọc T, Đặng Thị T1, D ngồi nói chuyện với nhau ở phòng khách và cùng rủ nhau đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền, tất cả đều đồng ý. Các đối tượng đều không nhớ rõ ai là người rủ rê đánh bạc. Liều biết các đối tượng đánh bạc tại nhà mình thì cũng không phản đối. Các đối tượng không thống nhất gì về việc thu nộp tiền hồ (tiền thuê địa điểm đánh bạc). L là người lấy 01 bộ bát đĩa sứ có sẵn tại khu vực bếp nhà mình đem lên phòng ngủ để mọi người sử dụng vào mục đích đánh bạc. Đặng Thị T1 là người dùng kéo kim loại (có sẵn ở nhà L) cắt 04 quân bài hình tròn từ vỏ bao thuốc lá T31 (có sẵn ở nhà L) để các đối tượng đánh bạc. Sau đó, Q, Đ, V, Phạm Ngọc T, Đặng Thị T1, D đi vào trong phòng ngủ của nhà L và ngồi trên giường có trải màn để đánh bạc. Các đối tượng ngồi đánh bạc theo hình vòng tròn, D là người xóc cái, lần lượt ngồi theo thứ tự từ bên phải sang trái là D, Đ, V, Đặng Thị T1, Phạm Ngọc T, Q. Q ngồi bên trái D.

Hình thức đánh bạc của các đối tượng trên là đánh xóc đĩa. Cụ thể: “Người cầm cái cho 04 quân bài hình tròn vào trong 01 đĩa sứ và úp bát sứ lên rồi xóc, sau đó người chơi đặt cửa chặn, cửa lẻ, mỗi ván là 50.000 đồng, người nào đặt cửa cao hơn thì tùy nhưng phải báo trước. Sau đó người cầm cái mở bát để xem kết quả. Nếu kết quả là 02 hoặc 04 quân bài cùng màu thì người đặt cửa chặn thắng, nếu kết quả là 03 quân bài cùng màu, quân còn lại khác màu thì người đặt cửa lẻ thắng. Người thắng sẽ được người cầm cái trả cho số tiền bằng số tiền đã đặt cửa, người thua sẽ thua hết số tiền đã đặt cửa cho người cầm cái”.

Trước khi đánh bạc Đặng Thị Thanh M2 theo số tiền 13.000.000 đồng, nhưng chỉ sử dụng 10.000.000 đồng vào mục đích đánh bạc, số tiền còn lại T để trong ví không sử dụng vào mục đích đánh bạc; Nguyễn Trung Đ mang theo số tiền 1.700.000 đồng, Đ sử dụng toàn bộ số tiền này vào mục đích đánh bạc; Trần Xuân D mang theo số tiền 1.200.000 đồng, D sử dụng toàn bộ số tiền này vào mục đích đánh bạc; Nguyễn Công V mang theo số tiền 3.100.000 đồng, V sử dụng 1.100.000 đồng vào mục đích đánh bạc, số tiền còn lại V để trong ví không sử dụng vào mục đích đánh bạc; Phạm Ngọc T mang theo số tiền 1.000.000 đồng, T sử dụng toàn bộ vào mục đích đánh bạc; Nguyễn Hữu Q mang theo số tiền 800.000 đồng, Q sử dụng toàn bộ số tiền này vào mục đích đánh bạc. Như vậy tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào mục đích đánh bạc là: 15.800.000 đồng (Mười lăm triệu tám trăm nghìn đồng). Các đối tượng đánh

bạc liên tục từ 22 giờ 30 phút đến 23 giờ 15 phút ngày 30/8/2024 thì bị Công an huyện C kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang như đã nêu trên.

Khi các đối tượng bắt đầu đánh bạc, L đã đóng, khoá và chốt cửa ra vào nhà mục đích để tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng. Trong lúc đánh bạc các đối tượng nói to tiếng, L còn nhắc nhở phải nói nhỏ nhằm tránh sự phát hiện. Bản thân L đứng xem, không tham gia đánh bạc và không được hưởng lợi gì từ việc cho các đối tượng đánh bạc tại nhà mình nhưng L không ngăn cản các đối tượng sử dụng nhà của mình để đánh bạc.

Quá trình các đánh bạc có Trần Văn T5, Hoàng Thị Lệ Q1, Nguyễn Thị T6 đứng ở lối đi giữa giường và tủ quần áo xem các đối tượng đánh bạc, không tham gia đánh bạc.

Quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của các bị can phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 74/CT- VKSCK ngày 11 tháng 11 năm 2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ đã truy tố các bị cáo Nguyễn Hữu Quỳnh, Nguyễn Trung Đ, Nguyễn Công V, Phạm Ngọc T, Đặng Thị T1, Trần Xuân D, Đặng Thị L bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê truy tố về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thú nhận hành vi phạm tội nay không còn lời bào chữa nào khác.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị:

*** Về tội danh:**

Áp dụng Điều 321 Bộ luật hình sự: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu Q, Nguyễn Trung Đ, Nguyễn Công V, Phạm Ngọc T, Đặng Thị T1, Trần Xuân D, Đặng Thị L phạm tội “Đánh bạc”.

*** Về hình phạt:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu Q 10 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ là 07 ngày (từ ngày 30/8/2024 đến ngày 06/9/2024) quy đổi bằng 21 ngày cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Hữu Q. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trung Đ 10 (Mười) tháng 27 (Hai mươi bảy) ngày cải

tạo không giam giữ. (Bị cáo được trừ 109 ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/8/2024 đến ngày 16/12/2024, quy đổi bằng là 10 tháng 27 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo đã chấp hành xong.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Trung Đ, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Công V 10 (Mười) tháng 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. (Bị cáo được trừ 109 ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/8/2024 đến ngày 16/12/2024, quy đổi bằng là 10 tháng 27 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo đã chấp hành xong.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Công V, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo V. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự

Xử phạt: Bị cáo Phạm Ngọc T 10 (Mười) tháng 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. (Bị cáo được trừ 109 ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/8/2024 đến ngày 16/12/2024, quy đổi bằng là 10 tháng 27 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo đã chấp hành xong.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Phạm Ngọc T, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Phạm Ngọc T. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự

Xử phạt: Bị cáo Trần Xuân D 10 (Mười) tháng 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. (Bị cáo được trừ 109 ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/8/2024 đến ngày 16/12/2024, quy đổi bằng là 10 tháng 27 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo đã chấp hành xong.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Trần Xuân D, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Duyên.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

- *Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;*

Xử phạt: Bị cáo Đặng Thị T1 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ là 07 ngày (từ ngày 30/8/2024 đến ngày 06/9/2024) quy đổi bằng 21 ngày cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đặng Thị T1. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

- *Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;*

Xử phạt: Bị cáo Đặng Thị L 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ là 07 ngày (từ ngày 30/8/2024 đến ngày 06/9/2024) quy đổi bằng 21 ngày cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đặng Thị L. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

* Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Nguyễn Hữu Q, Đặng Thị T1, Đặng Thị L tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện C, tỉnh Phú Thọ nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Nguyễn Hữu Q, Đặng Thị T1, Đặng Thị L cho UBND xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ giám sát giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

* Buộc bị cáo Nguyễn Hữu Q, Đặng Thị T1, Đặng Thị L trong thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng theo quy định tại khoản 4, Điều 36 của Bộ luật hình sự. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng đối với bị cáo là không quá 04 giờ/ 01 ngày và không quá 05 ngày/01 tuần.

Trong thời gian cải tạo không giam giữ, người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự về cải tạo không giam giữ.

* **Về xử lý vật chứng:** áp dụng điểm a, b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân bài hình tròn được cắt từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long, 01 mảnh vỏ bao thuốc lá Thăng Long, 01 kéo bằng kim loại, 01 chiếc mảnh cò kích thước 1,6m x 2m, là vật chứng của vụ án và là vật không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 15.800.000 đồng (Mười lăm triệu tám trăm nghìn đồng), tiền ngân hàng N4.

Trả lại cho bị cáo Đặng Thị T1 01 ví giả da màu nâu và số tiền 3.000.000 đồng. Nhưng tạm giữ số tiền 3.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Công V 01 ví giả da màu đen và số tiền 2.000.000 đồng. Nhưng tạm giữ số tiền 2.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 12/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C).

*** Về án phí:** áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Hữu Q, Nguyễn Trung Đ, Nguyễn Công V, Phạm Ngọc T, Đặng Thị T1, Trần Xuân D, Đặng Thị L mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định và hợp pháp.

[2] Về những chứng cứ xác định các bị cáo có tội: Xét lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng đã thu được và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Từ khoảng 22 giờ 30 phút đến khoảng 23 giờ 15 phút ngày 30/8/2024, tại phòng ngủ nhà Đặng Thị L ở khu T, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ, **Nguyễn Hữu Q, Nguyễn Trung Đ, Nguyễn Công V, Phạm Ngọc T, Đặng Thị T1, Trần Xuân D** đã có hành vi Đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền với tổng số tiền các bị can sử dụng vào mục đích đánh bạc là **15.800.000 đồng (Mười lăm triệu tám trăm nghìn đồng)**. Đối với **Đặng Thị L** là người lấy bát, đĩa sử dụng để các đối tượng sử dụng vào mục đích đánh bạc, cho các đối tượng trên sử dụng

nhà của mình là địa điểm để đánh bạc, chốt và khoá cửa ra vào nhà để trách sự phát hiện của các cơ quan chức năng.

Về vai trò của các đồng phạm trong vụ án: Các bị cáo Nguyễn Hữu Q, Nguyễn Trung Đ, Nguyễn Công V, Phạm Ngọc T, Đặng Thị T1, Trần Xuân D đều là những người chơi đánh bạc nên là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Đặng Thị L có vai trò đồng phạm là người giúp sức cho các đối tượng đánh bạc.

Hành vi nêu trên của các bị cáo **Nguyễn Hữu Q, Nguyễn Trung Đ, Nguyễn Công V, Phạm Ngọc T, Đặng Thị T1, Trần Xuân D, Đặng Thị L** đã phạm vào tội **“Đánh bạc”**. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Điều luật quy định:

"Điều 321. Tội đánh bạc

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

... ”

[3] Xét tính chất vụ án là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của các bị cáo đã gây mất trật tự trị an ở địa phương. Bối lý vấn nạn cờ bạc là một trong các tệ nạn xã hội mà nhà nước ta đang quản lý chặt chẽ, nghiêm cấm mọi tổ chức, cá nhân tổ chức đánh bạc, đánh bạc dưới mọi hình thức để làm lành mạnh các quan hệ xã hội, từ việc đánh bạc thường dẫn đến những tội phạm khác, ảnh hưởng đến trật tự công cộng vì vậy đấu tranh với tội này là rất cần thiết, cần đưa ra xét xử nghiêm trước pháp luật.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

[4.1] Về nhân thân:

Các bị cáo Nguyễn Hữu Q, Nguyễn Trung Đ, Nguyễn Công V, Phạm Ngọc T, Đặng Thị T1, Trần Xuân D, Đặng Thị L đều có nhân thân tốt.

[4.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Nguyễn Hữu Q, Nguyễn Trung Đ, Nguyễn Công V, Phạm Ngọc T, Đặng Thị T1, Trần Xuân D, Đặng Thị L đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Nguyễn Hữu Q, Nguyễn Trung Đ, Nguyễn Công V, Phạm Ngọc T, Đặng Thị T1, Trần Xuân D, Đặng Thị L đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít

ng nghiêm trọng. Quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Công V được tặng Giấy khen vì có thành tích tốt trong thực hiện nhiệm vụ huấn luyện dã ngoại tại quần đảo T năm 2017 nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Từ những phân tích, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy:

Các bị cáo Nguyễn Hữu Q, Nguyễn Trung Đ, Nguyễn Công V, Phạm Ngọc T, Đặng Thị T1, Trần Xuân D, Đặng Thị L, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đều có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Vì vậy có thể áp dụng một mức hình phạt không nhất thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo cải tạo tại địa phương, về tội các bị cáo đã thực hiện, nh- thể cũng có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung, thể hiện đ- ờng lối xét xử hình sự và chính sách khoan hồng của Nhà n- ớc đối với ng- ời phạm tội.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”.

Qua xác minh của cơ quan điều tra thì các bị cáo Nguyễn Hữu Q, Nguyễn Trung Đ, Nguyễn Công V, Phạm Ngọc T, Đặng Thị T1, Trần Xuân D, Đặng Thị L đều không có tài sản riêng gì và đều là lao động tự do thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo là phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân bài hình tròn được cắt từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long, 01 mảnh vỏ bao thuốc lá Thăng Long, 01 kéo bằng kim loại, 01 chiếc mảnh cọ kích thước 1,6m x 2m, là vật chứng của vụ án và là vật không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

Đối với số tiền 15.800.000 đồng (Mười lăm triệu tám trăm nghìn đồng), tiền ngân hàng N4. Đây là khoản tiền do các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước là phù hợp.

Đối với 01 ví giả da màu nâu bên trong có 3.000.000 đồng thu giữ của Đặng Thị T1, quá trình điều tra xác định T1 không sử dụng số tiền này vào mục đích đánh bạc nên trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án là phù hợp.

Đối với 01 ví giả da màu đen bên trong có 2.000.000 đồng thu giữ của Nguyễn Công V, quá trình điều tra xác định V không sử dụng số tiền này vào mục đích đánh bạc nên trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án là phù hợp.

[8] Đối với Trần Văn T5, Hoàng Thị Lệ Q1, Nguyễn Thị T6 chỉ xem các đối tượng đánh bạc, không tham gia đánh bạc cùng do đó không xử lý hình sự đối với các đối tượng này là phù hợp.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề xuất về hình phạt đối với các bị cáo và việc xử lý vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp nên chấp nhận.

[10] Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Hữu Q, Nguyễn Trung Đ, Nguyễn Công V, Phạm Ngọc T, Đặng Thị T1, Trần Xuân D, Đặng Thị L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật .

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[I]. Về tội danh:

Áp dụng Điều 321 Bộ luật hình sự: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu Q, Nguyễn Trung Đ, Nguyễn Công V, Phạm Ngọc T, Đặng Thị T1, Trần Xuân D, Đặng Thị L phạm tội “Đánh bạc”.

[II]. Về hình phạt:

1, Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu Q 10 (Mười) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ là 07 ngày (từ ngày 30/8/2024 đến ngày 06/9/2024) quy đổi bằng 21 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải thi hành 09 (Chín) tháng 09 (Chín) ngày cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Hữu Q. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

2, Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trung Đ 10 (Mười) tháng 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. (Bị cáo được trừ 109 ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/8/2024 đến ngày 16/12/2024, quy đổi bằng là 10 tháng 27 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo đã chấp hành xong.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Trung Đ, nếu bị cáo không bị

tạm giam về một tội phạm khác.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

3, Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Công V 10 (Mười) tháng 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. (Bị cáo được trừ 109 ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/8/2024 đến ngày 16/12/2024, quy đổi bằng là 10 tháng 27 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo đã chấp hành xong.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Công V, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo V. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

4, Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự

Xử phạt: Bị cáo Phạm Ngọc T 10 (Mười) tháng 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. (Bị cáo được trừ 109 ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/8/2024 đến ngày 16/12/2024, quy đổi bằng là 10 tháng 27 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo đã chấp hành xong.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Phạm Ngọc T, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Phạm Ngọc T. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

5, Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự

Xử phạt: Bị cáo Trần Xuân D 10 (Mười) tháng 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. (Bị cáo được trừ 109 ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/8/2024 đến ngày 16/12/2024, quy đổi bằng là 10 tháng 27 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo đã chấp hành xong.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Trần Xuân D, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Duyệt. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

6, Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Đặng Thị T1 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được

trừ thời gian tạm giữ là 07 ngày (từ ngày 30/8/2024 đến ngày 06/9/2024) quy đổi bằng 21 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải thi hành 14 (Mười bốn) tháng 09 (Chín) ngày cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đặng Thị T1. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

7, Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Đặng Thị L 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ là 07 ngày (từ ngày 30/8/2024 đến ngày 06/9/2024) quy đổi bằng 21 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải thi hành 14 (Mười bốn) tháng 09 (Chín) ngày cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đặng Thị L. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

* Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Nguyễn Hữu Q, Đặng Thị T1, Đặng Thị L tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện C, tỉnh Phú Thọ nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Nguyễn Hữu Q, Đặng Thị T1, Đặng Thị L cho UBND xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ giám sát giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

* Buộc bị cáo Nguyễn Hữu Q, Đặng Thị T1, Đặng Thị L trong thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng theo quy định tại khoản 4, Điều 36 của Bộ luật hình sự. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng đối với bị cáo là không quá 04 giờ/ 01 ngày và không quá 05 ngày/01 tuần.

Trong thời gian cải tạo không giam giữ, người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự về cải tạo không giam giữ.

[III]. Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân bài hình tròn được cắt từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long, 01 mảnh vỏ bao thuốc lá Thăng Long, 01 kéo bằng kim loại, 01 chiếc mảnh cọ kích thước 1,6m x 2m, là vật chứng của vụ án và là vật không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 15.800.000 đồng (Mười lăm triệu tám trăm nghìn đồng), tiền ngân hàng N4.

Trả lại cho bị cáo Đặng Thị T1 01 ví giả da màu nâu và số tiền 3.000.000 đồng. Nhưng tạm giữ số tiền 3.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Công V 01 ví giả da màu đen và số tiền 2.000.000 đồng. Nhưng tạm giữ số tiền 2.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 12/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C).

[IV]. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Hữu Q, Nguyễn Trung Đ, Nguyễn Công V, Phạm Ngọc T, Đặng Thị T1, Trần Xuân D, Đặng Thị L mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm các bị cáo (có mặt) được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh phú thọ xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- Công an H.Cẩm Khê;
- Chi cục THADS H.Cẩm Khê;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- THA- HS;
- Các bị cáo;
- UBND xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Y, TP. T, Ninh Bình;
- UBND xã A, H. H, TP. Hà Nội;
- UBND xã N, H. N, T. Nam Định;
- UBND xã N, H. V, T. Yên Bái;
- UBND xã T, H. Y, T. Nam Định;
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thu Huyền